

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc và ông Phạm Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu dân cư (KDC) L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương -Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT: KDC L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: KDC Đ, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương -Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Bà Mạc Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: KDC L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: KDC Đ, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày như sau: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau ngày 11/3/2008 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống tại KDC L, phường

H, thị xã K. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng do tính chất công việc anh hay phải đi làm xa, chị H ghen tuông, nghi ngờ anh có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ngoài ra, trong thời gian anh đi làm xa, chị H có thái độ không đúng mực với bố mẹ chồng. Năm 2020, anh đã làm đơn ly hôn chị H nhưng được Tòa án hòa giải nên anh đã rút đơn. Sau đó vợ chồng anh chung sống hòa thuận đến 30/4/2024 thì lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi nói chuyện không đúng sự thật với mọi người về việc anh ngoại tình với bạn cũ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn như vậy nên chị H đã về bỏ về nhà mẹ đẻ tại KDC Đ, phường H, thị xã K sống ly thân với anh từ khoảng tháng 5/2024 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng chị H nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 02/3/2010, Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/12/2011 và Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 06/9/2021. Hiện anh đang trực tiếp chăm sóc cháu T và cháu H, chị H đang trực tiếp chăm sóc cháu H1. Nay anh và chị H đã thỏa thuận anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu H, chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1. Anh và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Hiện anh đang làm thợ nhôm kính và cho thuê vườn để kinh doanh, thu nhập khoảng trên 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Về điều kiện kết hôn, chị trình bày như anh H trình bày nêu trên. Sau ngày cưới, vợ chồng chị về nhà bố mẹ đẻ anh H tại KDC L, phường H, thị xã K chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng do tính chất công việc anh H hay phải đi làm xa, chị ở nhà hay bị mẹ chồng soi mói, trách mắng dẫn đến gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2011, anh H có biểu hiện ngoại tình. Vì để gia đình êm ấm nên chị đã bỏ qua. Nhưng trong thời gian sau đó vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2020, anh H có làm đơn ly hôn với chị nhưng sau đó đã rút đơn về để vợ chồng chung sống. Anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến 30/4/2024 thì lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do áp lực từ phía gia đình và anh H nghe lời mẹ không thấu hiểu cho chị. Do chị xác định vợ chồng không ở được với nhau nên chị đã về bỏ về quê tại KDC Đ, phường H, thị xã K sống ly thân với anh H từ tháng 5/2024 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã được nhiều lần hòa giải nhưng không thành, tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung như anh H trình bày. Chị đang trực tiếp chăm sóc cháu H1, anh H đang trực tiếp chăm sóc cháu T và cháu H. Khi ly hôn, chị và anh H thỏa thuận anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng T

và cháu H, chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH V, thu nhập khoảng từ 7 đến 8 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của người làm chứng:

+ Mạc Thị N - mẹ đẻ của anh H trình bày: Anh H và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã K. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại gia đình bà. Quá trình anh chị chung sống bà thấy anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H và chị H bất đồng, cãi vã và chị H cư xử không đúng mực với gia đình chồng. Khoảng mấy tháng trước đây, chị H cho rằng anh H ngoại tình dẫn đến anh chị cãi nhau. Vợ chồng anh chị đã ly thân được hơn hai tháng. Nay anh H yêu cầu xin ly hôn chị H, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn của hai anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có 03 con chung, hiện cháu H1 đang ở cùng chị H, cháu T và cháu H đang ở cùng với anh H và gia đình bà. Anh H hiện đang làm thợ nhôm kính tại nhà và có cho thuê vườn kinh doanh, thu nhập hơn 10.000.000 đồng/tháng. Bà xác định anh H có đủ điều kiện nuôi con.

+ Bà Hoàng Thị H- mẹ đẻ của chị H trình bày: Anh H và chị H kết trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã K. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với bố mẹ đẻ anh H tại KDC L, phường H, thị xã K. Do không ở gần các con nên bà không biết việc anh chị mâu thuẫn. Khoảng gần hai tháng nay, chị H chuyển về ở cùng gia đình bà. Bà hỏi được chị H cho biết anh H đuổi chị H ra khỏi nhà. Nay anh H yêu cầu xin ly hôn chị H, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh H, chị H về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh H và chị H có 03 con chung. Hiện cháu H1 đang ở cùng chị H và gia đình bà, cháu T và cháu H đang ở cùng với anh H. Chị H hiện đang làm công nhân tại phường H, thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Bà xác định chị H có đủ điều kiện nuôi con.

- Tại biên bản xác minh, đại diện UBND phường H và Trưởng khu dân cư L, phường H, thị xã K cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu H và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau ngày 11/3/2008 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã K. Sau ngày cưới, anh chị về ở cùng bố mẹ đẻ anh H tại KDC L, phường H, thị xã K. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống, địa phương không nắm được vợ chồng anh chị có mâu thuẫn như thế nào. Nay anh H xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của các bên và theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 02/3/2010, Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/12/2011 và Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 06/9/2021. Trường hợp anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con chung và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Anh H và chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh chị bảo lưu quan điểm đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn chị Hoàng Thị H.

- Về con chung: Xử giao các cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/12/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 06/9/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H, chị H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Anh H, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H và bị đơn chị Hoàng Thị H nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Anh Nguyễn Hữu H và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2008 tại UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại KDC L, phường H, thị xã K. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H nghi ngờ anh H thiếu chung thủy. Anh H cho rằng chị H đối xử không tốt, không tôn trọng đối với mẹ chồng. Anh H và chị H đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh H yêu cầu xin ly hôn chị H. Chị H đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu của anh H. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn chị Hoàng Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh H và chị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 02/3/2010, Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/12/2011 và Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 06/9/2021. Chị H đang trực tiếp chăm sóc cháu H1, anh H đang trực tiếp chăm sóc cháu T và cháu H. Anh H và chị H đều có quan điểm giao cháu T và cháu H cho anh H và giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T và cháu H đã trên 7 tuổi có nguyện vọng ở cùng anh H. Anh H và chị H xác định cả hai có đủ điều kiện nuôi con. Anh H và chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh H và chị H, giao các cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Minh H cho anh H và giao cháu Nguyễn Thị Khánh H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H và chị H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Xử giao các cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/12/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 06/9/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H và chị H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Anh H và chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0002502 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Anh H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Báo anh H và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết